

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 6 - 2025

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Viết Hải

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Xuân Mâu; Ông Mai Văn Ngọc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Mai Ly - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 226/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 186/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Dương Hoài N, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có đơn xin vắng mặt;

*Bị đơn:* Chị Dương Thị T, sinh năm 1982; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn D, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Hiện cư trú tại: CHLB Đ, vắng mặt.

*Thân nhân mẹ của chị Dương Thị T:* Bà Phan Thị T1, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn ngày 12/11/2024, bản tự khai nguyên đơn anh Dương Hoài N trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh Dương Hoài N và chị Dương Thị T có quá trình tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 27/12/2000. Sau khi kết hôn vợ chồng ra ở riêng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc và sinh được một người con trai. Năm 2010, chị T tự ý làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại CHLB Đ mà không bàn bạc với anh N và gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không liên lạc hỏi han, quan tâm gì đến nhau. Anh N biết được chị T đang ở CHLB Đ thông qua gia

đình chị T. Hiện tại mỗi người ở một nơi, nên anh N thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân của hai người không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Dương Thị T.

*Về con chung:* Anh Dương Hoài N trình bày, vợ chồng có 01 con chung, cháu Dương Việt H, sinh ngày 15/5/2002. Hiện cháu đã trưởng thành và đi làm việc có thu nhập và tự nuôi sống bản thân, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Anh Dương Hoài N trình bày vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn chị Dương Thị T hiện đang làm ăn, sinh sống tại Cộng Hòa Liên bang Đ, theo nguyên đơn anh Dương Hoài N cung cấp, nhưng không cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cụ thể của bị đơn chị T. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại địa phương nơi chị T cư trú trước khi xuất cảnh, trụ sở và trên cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Đ tại CHLB Đ và tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân của chị T, bà Phan Thị T1 (mẹ đẻ chị Dương Thị T) và đăng tin thông báo cho chị Dương Thị T trên kênh thông tin (VOV5) dành cho người nước ngoài, nhưng đến nay Tòa án chưa nhận được ý kiến của chị T đối với yêu cầu của anh N.

Ngày 10/12/2024, Tòa án tiến hành xác minh tại nhà bà Phan Thị T1 (mẹ đẻ chị Dương Thị T). Bà Phan Thị T1 cho biết, chị Dương Thị T là con gái của bà, chị T đi xuất khẩu lao động tại CHLB Đ đã 15 năm. Hiện nay đang cư trú ở CHLB Đ, nhưng chưa có địa chỉ cư trú ổn định nên bà không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị T cho Tòa án. Chị T vẫn liên lạc về cho gia đình trao đổi qua điện thoại. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án bà đã thông báo cho chị T biết, chị T đã biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa anh N và chị T. Tuy nhiên, chị T đi làm ăn bất hợp pháp, nên không thể ghi và gửi ý kiến của mình về cho Tòa án được, nhưng chị T cũng đồng ý ly hôn với anh Dương Hoài N.

Tại phiên tòa, anh Dương Hoài N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Dương Thị T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Hoài N, xử cho anh N được ly hôn chị Dương Thị T. Về con chung, tài sản chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét. Đương sự phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Anh Dương Hoài N có đơn yêu cầu xin ly hôn chị Dương Thị T đang làm ăn, sinh sống tại CHLB Đ, theo thông tin cung cấp của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Q thì chị T đã xuất nhập cảnh nhiều lần, xuất cảnh gần nhất ngày 08/12/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Đây là vụ án có bị đơn là Công dân Việt Nam đang cư trú và làm việc tại nước ngoài. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 123, 127 luật Hôn nhân và Gia đình.

Sau khi thụ lý vụ án, do nguyên đơn anh N không cung cấp được địa chỉ cụ thể nơi cư trú của bị đơn chị T. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại địa phương nơi chị T cư trú trước khi xuất cảnh, trụ sở và trên cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Đ tại CHLB Đ; tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân của chị T, bà Phan Thị T1 (mẹ đẻ chị Dương Thị T) và thông báo trên kênh thông tin (VOV5) dành cho người nước ngoài, nhưng không nhận được thông tin, ý kiến của chị T. Thể hiện bị đơn chị T và thân nhân của chị T không cung cấp được địa chỉ cụ thể nơi cư trú của chị T, nên thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa vào ngày 30/5/2025, nhưng chị T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn vắng mặt không có lý do và nguyên đơn anh N có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ các Điều 228, 238, 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Hoài N và chị Dương Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 27/12/2000, tại giấy chứng nhận kết hôn số 37, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống chung hòa thuận hạnh phúc và sinh được một người con trai. Năm 2010, chị T tự ý làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại CHLB Đ mà không bàn bạc với anh N và gia đình. Sau khi sang Đức chị T không liên lạc hỏi han, quan tâm gì đến chồng con. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau, người nào lo và biết công việc của người đó. Anh N biết được chị T đang ở nước Đức thông qua gia đình chị T. Hiện tại, anh N thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, sống ly thân đã lâu, tình cảm không còn, không trở lại sống chung cùng nhau được. Vì vậy, anh N kiên quyết xin ly hôn chị T để ổn định cuộc sống bản thân; còn chị T đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, thông báo qua kênh dành cho người Việt Nam ở nước ngoài của Đ tiếng nói Việt Nam VOV5 và tổng đạt các văn bản tố tụng thông qua thân nhân gia đình chị T, nên chị T đã biết được anh N đang làm đơn xin ly hôn chị tại Tòa án, nhưng chị T đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh N. Thể hiện chị T không hề quan tâm gì đến chồng, để mặc anh N muốn làm gì thì làm. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy

mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Chấp nhận yêu cầu của anh Dương Hoài N xin ly hôn chị Dương Thị T là phù hợp với điều kiện thực tế của các bên, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Con chung vợ chồng đã thành niên, trên 18 tuổi có công việc và thu nhập tự nuôi sống bản thân, nên không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét

[4] Về quan hệ tài sản, nợ chung: Anh Dương Hoài N có ý kiến tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng khác: Anh Dương Hoài N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo luật định.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153; các Điều 228, 238, 469, 474, 475; điểm c khoản 6 Điều 477; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Dương Hoài N được ly hôn chị Dương Thị T. Hôn nhân của anh Dương Hoài N và chị Dương Thị T chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ con chung và tài sản chung: Không xem xét.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Dương Hoài N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005164 ngày 19/11/2024 của Cục Thi hành án dân tỉnh Quảng Bình (Anh N đã nộp đủ).

4. Chi phí tố tụng: Anh Dương Hoài N phải chịu 3.575.000 đồng tiền chi phí tố tụng (bao gồm 1.325.000 đồng tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và 2.250.000 đồng tiền chi phí thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đ Tiếng nói Việt Nam). Số tiền này anh N đã nộp đủ và chi phí hết.

5. Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm công khai, nguyên đơn anh Dương Hoài N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án

hoặc Bản án được niêm yết. Bị đơn chị Dương Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Đồng Trạch, H. Bố Trạch;
- Lưu hồ sơ; Tòa DS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Dương Viết Hải**